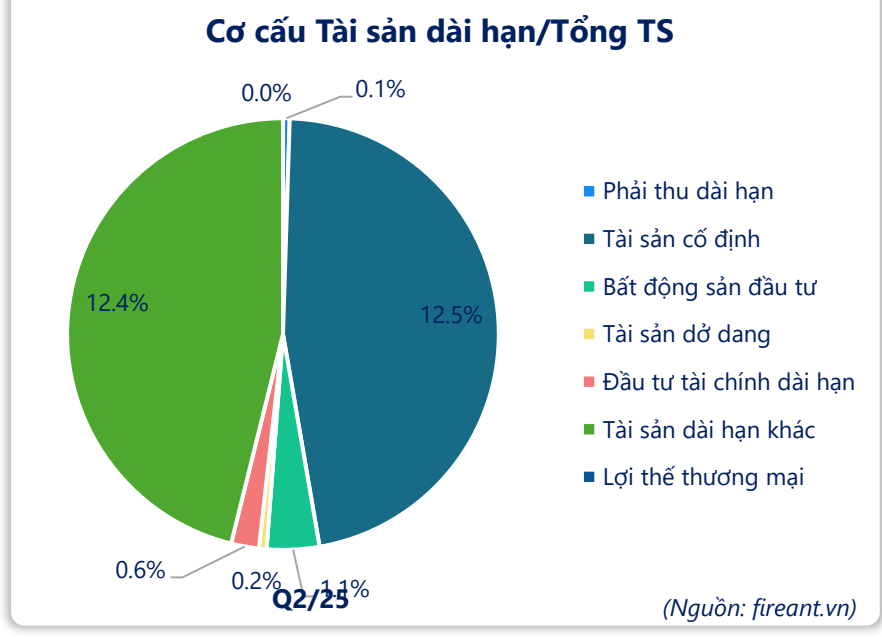
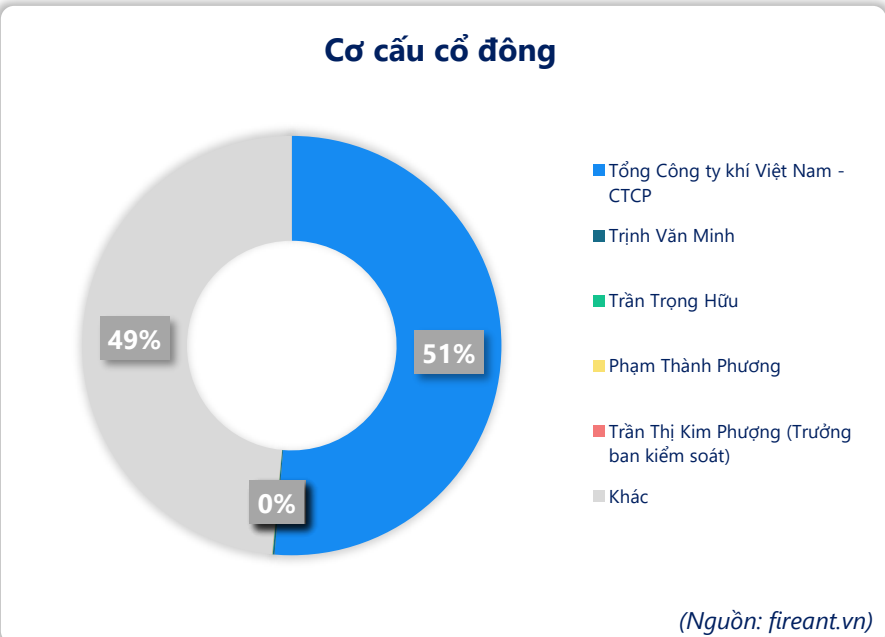
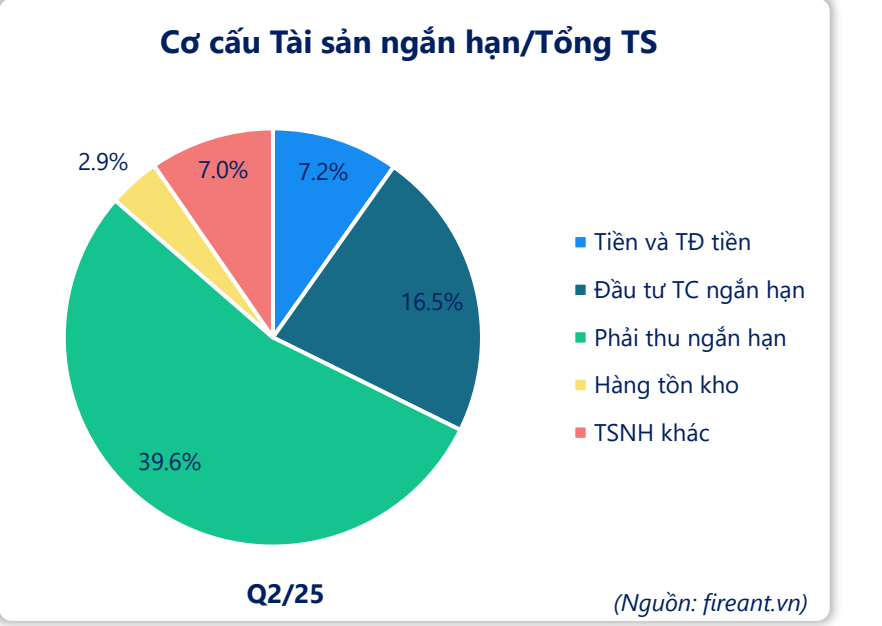
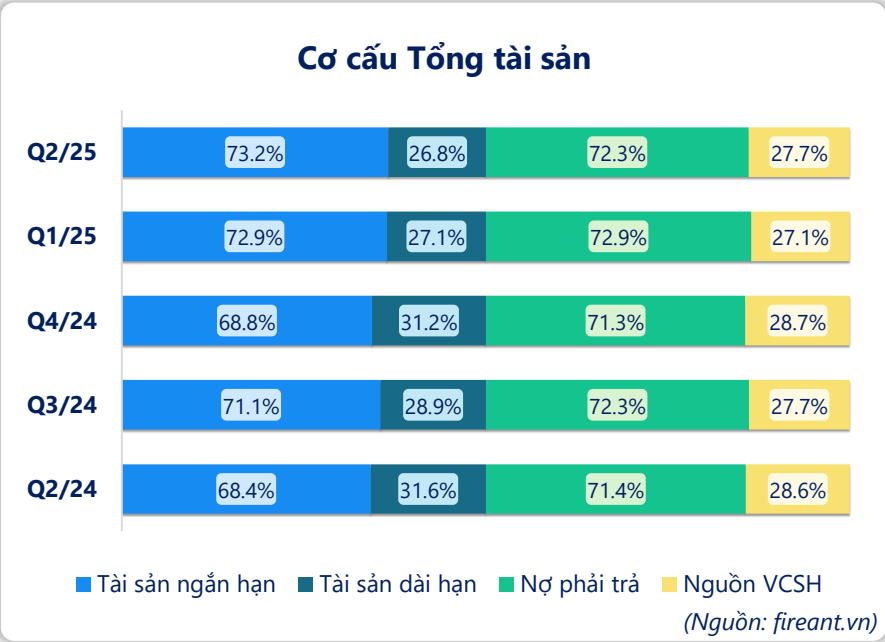
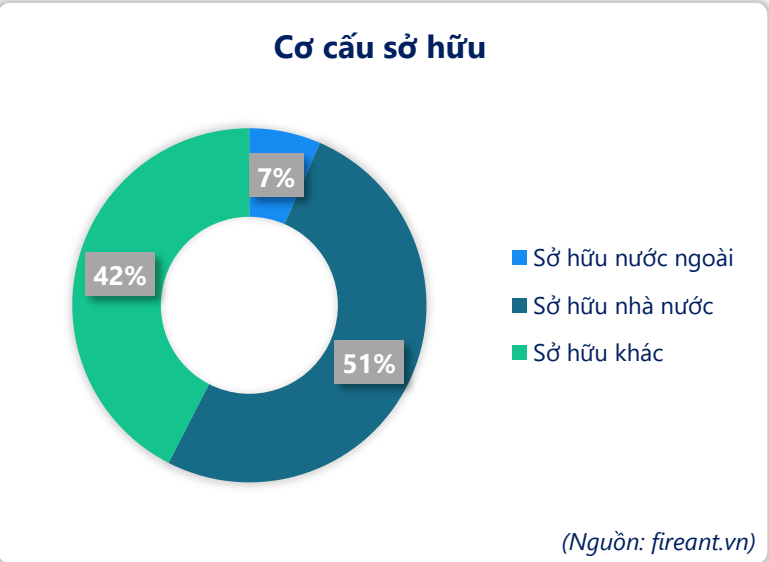
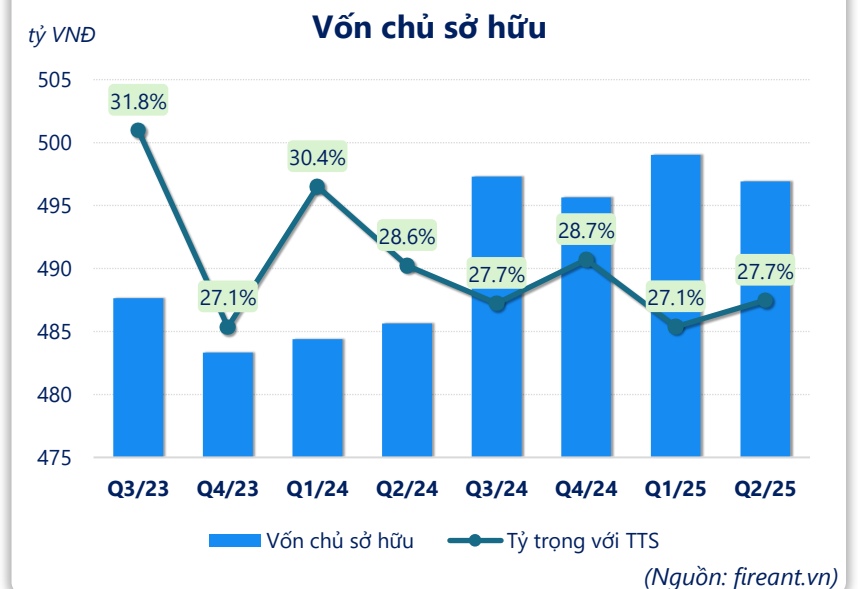
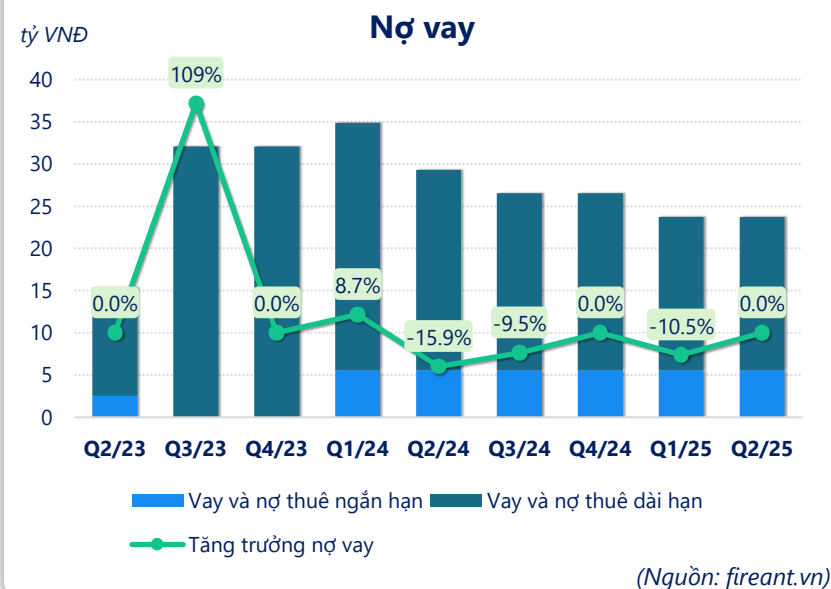
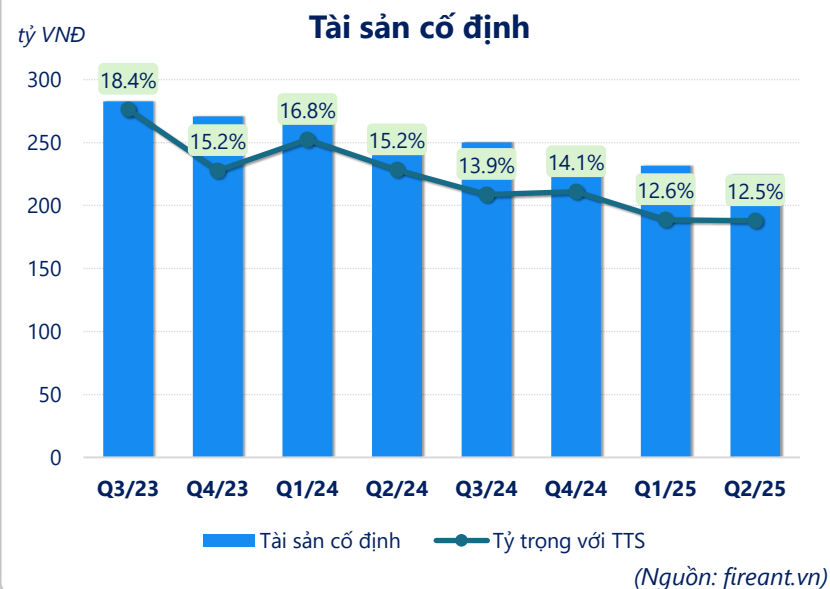
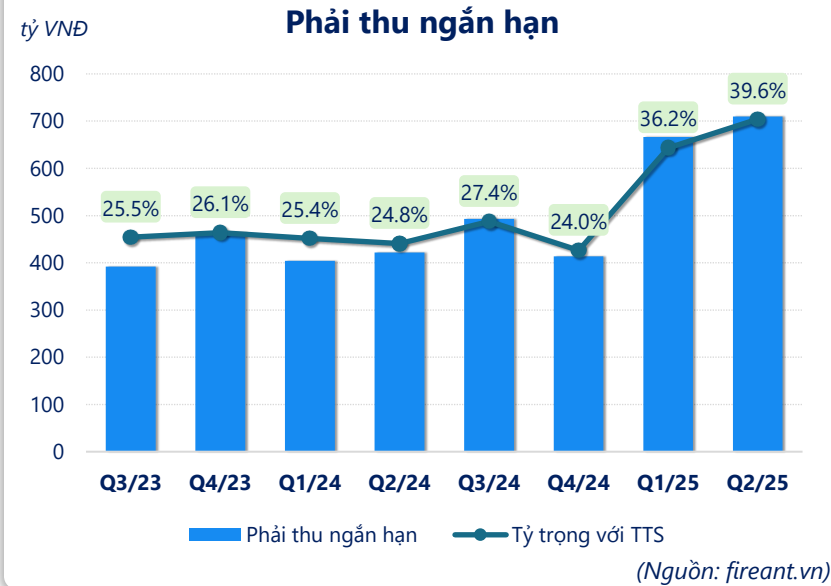
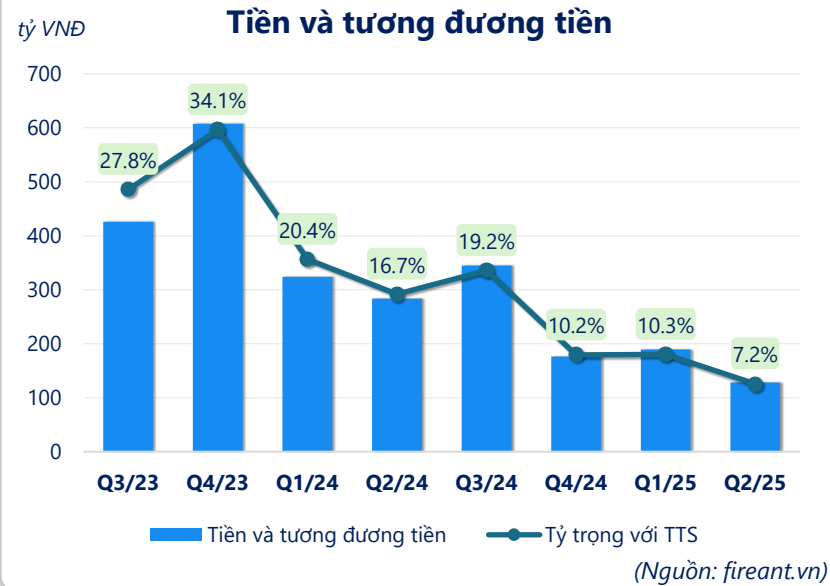
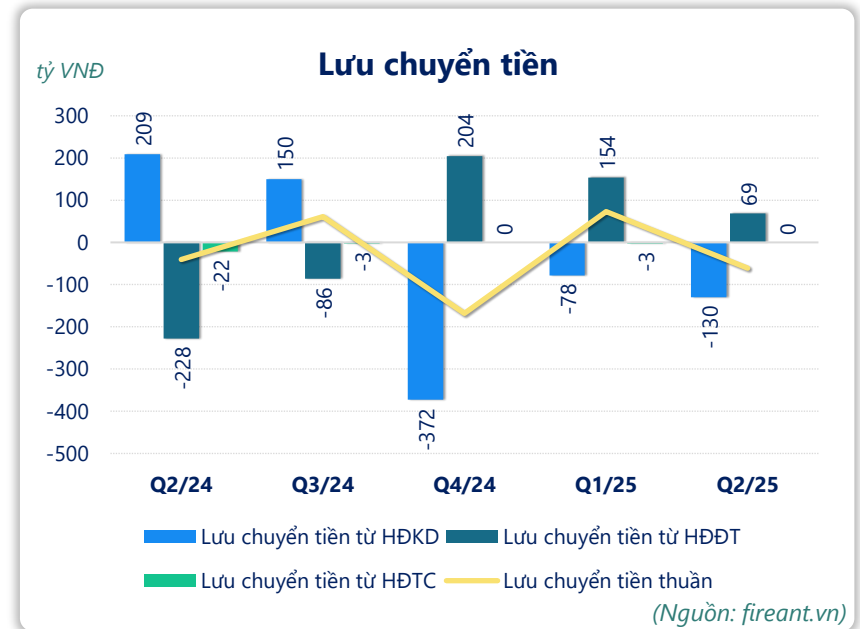
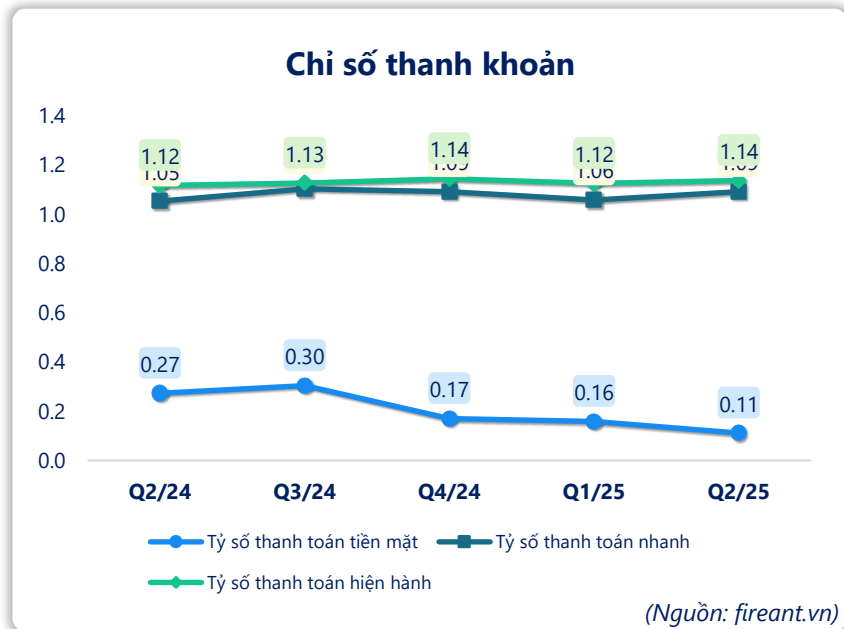
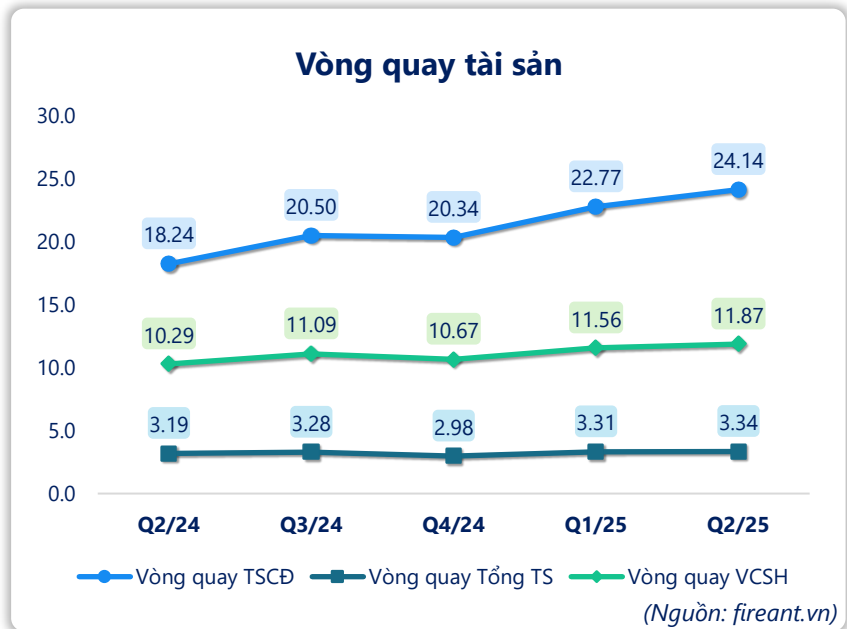
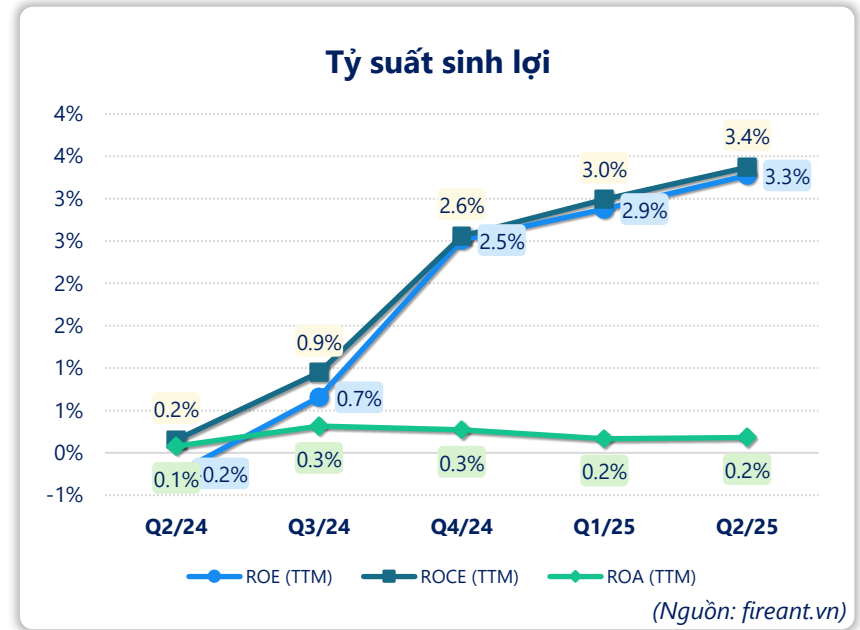
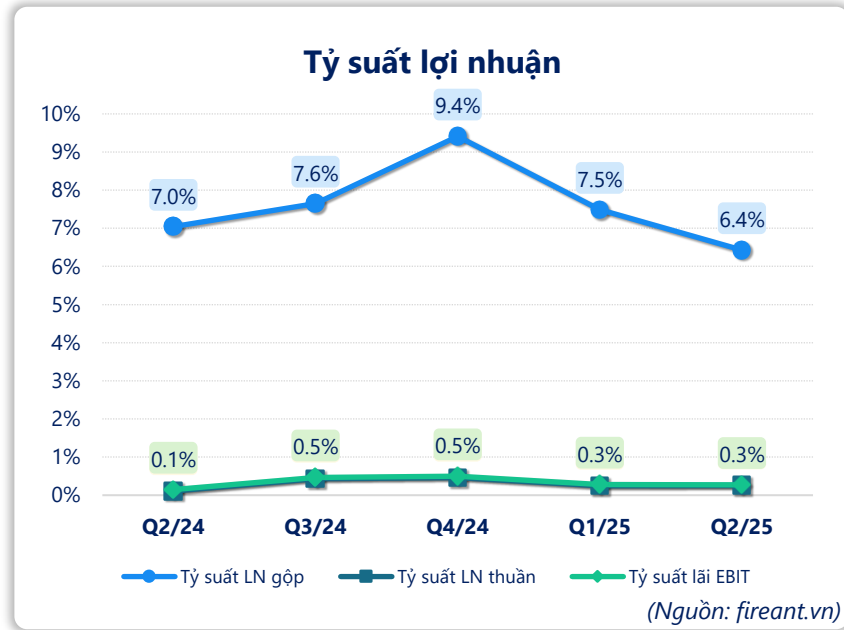
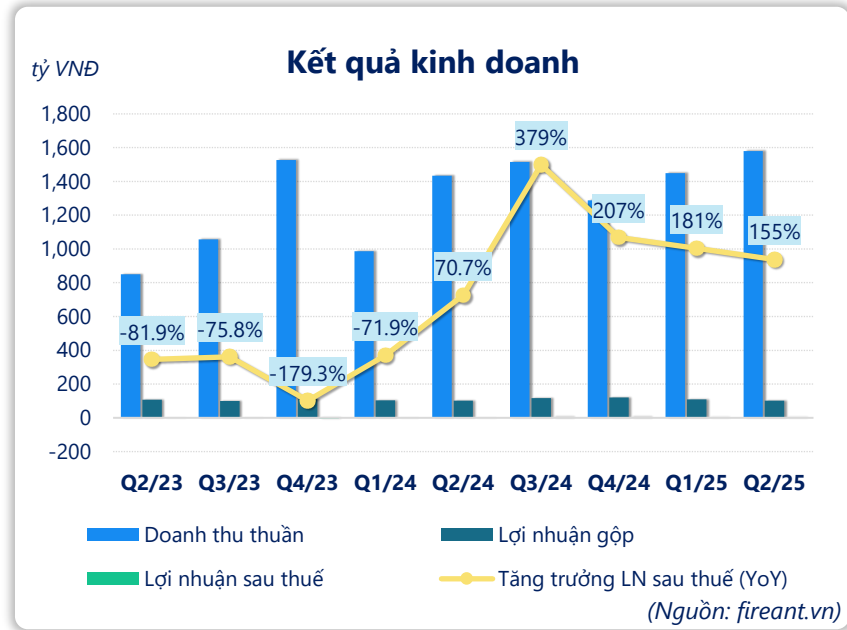


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,100
SL cổ phiếu LH		39,998,522
KLGD BQ 20 phiên (CP)		87,445
% sở hữu nước ngoài		6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		268
P/E		16.7
EPS		402

	YTD	1T	3T	6T
PVG	-10.7%	3.1%	-6.9%	-16.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,791	1,655	8.2%
Tài sản ngắn hạn	1,312	1,151	13.9%
Tiền và tương đương tiền	129	117	10.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	295	508	-41.9%
Phải thu ngắn hạn	709	396	79.3%
Hàng tồn kho	52.4	20.8	152%
Tài sản ngắn hạn khác	126	110	14.4%
Tài sản dài hạn	480	504	-4.8%
Phải thu dài hạn	2.39	0.64	275%
Tài sản cố định	224	241	-6.8%
Bất động sản đầu tư	18.9	19.3	-2.2%
Tài sản dở dang	2.71	2.69	0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	221	230	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,294	1,159	11.7%
Nợ ngắn hạn	1,153	1,001	15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.56	5.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,095	963	13.7%
Nợ dài hạn	141	158	-10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.2	21.0	-13.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	497	496	0.2%
Vốn chủ sở hữu	497	496	0.2%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,433	1,515	1,288	1,449	1,579
Giá vốn hàng bán	1,332	1,399	1,166	1,340	1,478
Lợi nhuận gộp	101	116	121	108	102
Doanh thu HĐTC	4.36	6.52	7.08	6.66	5.72
Chi phí TC	0.56	0.54	0.49	0.46	0.30
Chi phí lãi vay	0.56	0.53	0.48	0.46	0.30
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	87.0	104	107	100	89.8
Chi phí QLDN	16.1	11.2	14.4	10.6	13.1
LN thuần từ HĐKD	1.56	6.58	5.93	3.60	4.09
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.01	0	-0.11
LN trước thuế	1.56	6.58	5.94	3.60	3.98
Lợi nhuận sau thuế	1.25	5.26	4.75	2.88	3.18
LNST của CĐ cty mẹ	1.25	5.26	4.75	2.88	3.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	209	150	-372	-78.1	-130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-228	-85.7	204	154	68.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.8	-2.74	0	-2.78	0
Tiền đầu kỳ	324	283	345	117	190
Lưu chuyển tiền thuần	-40.5	61.3	-168	73.0	-61.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	283	345	177	190	129

(Nguồn: fireant.vn)